

Mặc dầu thế nào cái cuối năm của âm lịch cũng vẫn ra về cuối năm hơn. Ở giữa làng mạc không phải nói, cho đến ở trên thính không cũng nổi bật ra cái khí tượng hầu sang năm mới. Trong đám mây chiều trắng xám và nặng nề chốc chốc lại có nhoáng sáng, tiếp tới một tiếng đẹt, ấy là pháo đưa ông Táo về trời; nếu đốt gần thì nghe lại mạnh xảng hơn, những tiếng đùng đùng làm ù tai còn chưa dứt, trong không khí đã lan khắp mùi thuốc pháo thắm thoảng. Chính là trong cái đêm ấy tôi về đến Lỗ Trăn, làng quê của tôi. Nói rằng làng quê, nhưng thật ra tôi đã không có nhà ở đó, cho nên phải tạm trọ trong nhà ông cụ Tư. Ông cụ, người trong họ tôi, theo thế thứ, lớn hơn tôi một bậc, đáng lẽ tôi phải gọi bằng "chú Tư", là một vị cựu giám sinh theo phái lý học. Ông ta so với trước kia chẳng có thay đổi gì mấy, chỉ già thêm một ít, song le còn chưa để râu. Thấy tôi, ông liền hỏi thăm sức khỏe; sau khi hỏi thăm sức khỏe rồi ông nói tôi "mập ra"; sau khi nói tôi mập ra rồi ông liền chửi bộn tân đảng. Nhưng tôi biết rằng đó không phải là ông chửi cạnh chửi khốe tôi: vì cái kẻ ông chửi vẫn còn là Khương Hữu Vi. Có điều, câu chuyện thế nào cũng không ăn nhịp nhau, bởi vậy chẳng bao lâu, chỉ lưu lại trọ một người là tôi ở trong phòng sách.

Ngày hôm sau tôi trời dậy rất trễ. Sau bữa cơm trưa, tôi đi thăm mấy người bà con và bạn bè. Ngày hôm sau nữa cũng thế. Họ thấy đều chẳng có thay đổi gì mấy, chỉ già thêm một ít; nhưng nhà nào cũng bận rộn, đều đương sắm sửa lễ "chúc phước". Lễ này là lễ lớn cuối năm ở Lỗ Trăn, bày biện lễ phẩm, đón rước các vị phúc thần, khẩn cầu sự may mắn cả một năm cho năm mới. Họ giết gà, làm thịt ngỗng, mua thịt lợn, cẩn thận rửa từng tí, những cánh tay của đàn bà đều dầm trong nước ửng đỏ lên, có cái còn đeo neo bạc. Sau khi nấu chín các vật ấy, bữa bái giết những chiếc đĩa lên trên, thế gọi là "phước lễ" đó. Hồi canh năm bưng đặt lên bàn, thắp hương, thắp đèn, cung thỉnh các vị phúc thần về hâm hưởng. Chỉ có đàn ông con trai mới được cúng lạy; cúng lạy xong, vẫn cứ đốt pháo. Năm nào cũng thế, nhà nào cũng thế - miễn là sắm được phước lễ và pháo - tự nhiên năm nay cũng lại thế.

Màu trời càng râm tối, buổi chiều tuyết bắt đầu sa, những hoa tuyết lớn bằng hoa mai, bay múa đầy trời, xen với khói mùa và tình hình tắc nập, làm Lỗ Trăn thành ra một vùng hỗn độn. Khi tôi về đến trong phòng sách chú tư, trên kệ ngói đã đầy tuyết trắng; ánh sáng rọi vào trong phòng, rõ ràng thấy được bức liễn cái chữ "thọ" đập son, chữ của Trần Đoàn lão tổ viết, treo trên vách; hai bức liễn con thì một đã rơi xuống, cuộn lại phồng phồng để trên chiếc bàn dài, một thì còn treo, nó là sự lý thông đạt tâm khí hòa bình. Tôi lại chán nản đi đến cái bàn để sách bên cửa sổ lục lạo một hồi, chỉ thấy có một đồng Khang Hy tự điển chưa chắc đủ trọn bộ, một bộ Cận tư lục tập chú và một bộ Tứ thư thần. Không luận thế nào, tôi nhất định ngày mai phải đi đi thôi.

Thêm nữa, cứ nhớ đến chuyện gặp mù Tường Lâm hôm qua một cái là làm tôi không thể nào ở yên được. Bấy giờ vào buổi chiều, tôi đến xóm phía đông Lỗ Trăn thăm một người bạn. Khi ra về, bắt gặp mù bên bờ sông; và lại thấy cặp mắt mù đăm đăm nhìn tôi, biết rằng mù thấy tôi mà cố ý đón để gặp. Trong bao nhiêu người tôi đã thấy lần này ở Lỗ Trăn, người thay đổi nhiều hơn cả, có thể nói không ai bằng mù: cái đầu hoa râm năm năm về trước, bây giờ đã bạc phau, không còn ra vẻ người trên dưới bốn mươi nữa; cái mặt gầy tóp, vàng mà đen, đến nỗi mất cả cái dáng bộ buồn rầu trước kia, hình như là con người gổ; chỉ có đôi tròng con mắt thỉnh thoảng luân qua luân lại, còn có thể tỏ ra mù là một vật sống mà thôi. Mù một tay xách cái giỏ bằng tre, trong đó một cái bát mẻ không đựng gì cả; một tay cầm một cành tre dài hơn người mù, đầu dưới đã nứt ra: rõ ràng là một kẻ ăn mày trăm phần trăm.

Tôi đứng dừng lại, sẵn sàng chờ mù đến xin tiền.

"Thưa ông đã về?" Mù chào hỏi trước.

"Phải".

"Thế thì tốt lắm. Ông có học, lại là người đi ra, thấy biết được nhiều. Tôi muốn hỏi ông một việc..." Cặp mắt không có tinh thần của mù bỗng dưng nẩy sáng ra.

Tôi tuyệt nhiên không ngờ đến mù lại nói được những lời như thế, sửng sờ đứng im.

"ấy là..." Mụ nhích gần lại hai bước, hạ giọng khe khẽ, nói thì thầm như là chuyện rất bí mật, "sau khi một con người chết rồi, thực ra còn có linh hồn hay là không có?"

Bấy giờ tôi chờ người ra, thấy mụ nhìn giắt mắt vào mình, trên lưng tôi như phải gai chích, lúng túng còn hơn khi ở trong trường học gặp sự hạch hỏi thành linh, không kịp ngửa trước, thầy giáo lại đứng bên cạnh mình. Về sự có linh hồn hay không, chính mình tôi thuở nay không hề để ý đến; song le ở giờ phút này, nên trả lời mụ thế nào cho ổn đây? Tôi ngần ngừ trong giây lát, nghĩ ngay ra rằng người miền này đều tin có ma, mà mụ lại ngờ vực, - thế thì có lẽ nói hy vọng là hơn: hy vọng rằng có, lại hy vọng rằng không có... Nhưng mà mình sao lại đem thêm sự khổ não cho con người cùng đường làm chi; muốn được việc cho mụ, chi bằng nói quách đi rằng có. Thế rồi tôi trả lời cách nửa nạc nửa mỡ:

"Theo tôi tưởng, cũng có lẽ có đấy."

"Vậy thì, cũng phải có địa ngục chứ?"

"à, địa ngục à?" Tôi rất bối rối, chỉ có việc chống chọi: "Địa ngục à? - Theo lẽ, cũng phải có. - Nhưng mà chưa chắc... ai lại đi để ý đến những việc như thế!..."

"Vậy thì, những người cùng trong một nhà chết đi có thể gặp mặt nhau chứ?"

"Ờ ờ, gặp mặt hay là chẳng gặp mặt ư?" Khi ấy tôi đã biết mình còn là một người ngu tròn vện, ngần ngừ thế nào, tính toán thế nào, cũng không đương nổi ba câu hỏi ấy. Tức thì tôi đâm ra rè rụt, định xí xóa cả bao nhiêu câu trả lời trước kia: "Điều đó... thật ra thì tôi không nói dứt khoát được... Sự thật, có linh hồn hay không có, tôi cũng không nói dứt khoát được."

Tôi thừa lúc mụ không hỏi dồn nữa, tháo bước ra đi, vội vàng trốn về trong nhà chú Tư, thấy lòng mình rất không yên ổn. Cứ nghĩ bụng, mình trả lời như thế e có điều nguy hiểm cho mụ chẳng. Chừng như mụ vì gặp lúc nhà người ta chúc phước, cảm thấy riêng thân mình bơ vơ hiu quạnh, nhưng cũng có thể giấu trong câu hỏi cái ý gì khác nữa chẳng? Hoặc là mụ đã có linh cảm thế nào rồi? Ví phỏng mụ có ý gì

khác, lại nhân đó xảy ra việc gì khác, thì những câu trả lời của tôi ắt phải có chịu trách nhiệm một phần nào... Song le, liền đó tôi cũng bật cười cho mình, việc là việc tình cờ, vốn chẳng có ý nghĩa gì sâu sắc cả, mà mình lại cứ nắn nót mãi ra, hèn chi có nhà giáo dục bảo là đau thần kinh bệnh[1]; huống chi đã nói phân minh rằng "tôi không nói dứt khoát được", đã xí xóa cả bấy nhiêu câu trả lời, thế thì đâu có xảy ra việc gì, cũng chẳng may mắn dính dấp đến tôi.

"Không nói dứt khoát được", thật là một câu nói rất hữu dụng. Có những kẻ thiếu niên hăng hái chưa từng trải việc đời, thường hay bạo gan giải quyết sự nghi ngờ, chọn lấy thầy thuốc cho người khác, rủi ra không được kết quả tốt, trở chuốc lấy oán vào mình; nhưng khi đã dùng câu "không nói dứt khoát được" làm kết luận, thì bao giờ mình cũng thoát nợ cả. Lúc bấy giờ, tôi càng cảm thấy câu ấy là rất cần dùng, dầu cho khi nói chuyện với một mụ ăn mày cũng không lấy lễ gì mà vứt bỏ đi được.

Song le thế nào tôi cũng không yên tâm; qua một đêm rồi, cũng vẫn cứ chốc chốc lại nhớ đến, hình như có một thứ linh cảm báo hiệu chẳng lành; ở dưới trời tuyết âm thầm, trong phòng sách chán nản, cái sự không yên tâm lại càng thêm dữ dội. Thôi, chi bằng đi là hơn, sáng mai đi vào thành đi. Món vây thả của Phúc Hưng lâu cứ một đồng một bát lớn, ngon mà rẻ, hiện giờ chẳng biết có lên giá chẳng? Các bạn cùng đi chơi ngày trước tuy đã mỗi người một nơi nhưng mà món vây thả phải ăn mới được, dầu chỉ độc có một mình tôi cũng vậy... Không luận thế nào, tôi nhất định ngày mai phải đi đi thôi.

Tôi nhân vì thường thấy ít nhiều việc mình không muốn xảy ra như mình đoán, cho rằng chưa chắc xảy ra như mình đoán, lại cứ hay xảy ra như mình đoán, cho nên rất lo âu cho cái việc này rồi cũng thế. Thì quả thế, cái tình hình đặc biệt đã bắt đầu. Xế chiều, tôi nghe có mấy người nói chuyện ở nhà trong, giống như bàn tán việc gì ấy, một chốc tiếng trò chuyện cũng bật, chỉ có chú Tư vừa đi vừa nói to rằng: "Chẳng sớm chẳng muộn, lại nhè chính vào giữa lúc này, - thế đủ biết nó là đồ tầm bậy!"

Tôi trước còn lấy làm lạ, sau thấy rất không yên tâm, hình như câu nói đó có dính dấp tới mình. Trông ra ngoài cửa, không có ai hết. Vợ vẫn chờ đến trước bữa cơm tối, người làm trong nhà đến chế trà, tôi mới có dịp tìm nghe được tin tức.

"Vừa rồi cụ Tư gắt ai thế nhỉ?" Tôi hỏi.

"Mụ Tường Lâm chứ còn ai?" Người ấy trả lời thon lỏn.

"Mụ Tường Lâm à? Vì lẽ gì thế?" Tôi lại hỏi dồn.

"Chết rồi."

"Chết rồi?" - Quả tim tôi vụt se lại, gần như muốn đập mạnh, sắc mặt chừng cũng tái đi, có điều người kia không hề ngược đầu lên, cho nên trọn không thấy. Tôi cũng liền làm tỉnh, hỏi tiếp:

"Chết vào lúc nào thế?"

"Lúc nào? - Đêm qua hay sáng nay gì đó. - Tôi không nói dứt khoát được."

"Vì lẽ gì mụ chết?"

"Vì lẽ gì? - Cùng quá đi thì chết, chứ còn vì lẽ gì?" Hẳn lạnh nhạt trả lời, vẫn cứ không ngược đầu nhìn tôi, đi ra.

Nhưng mà sự kinh hãi của tôi chẳng qua chỉ trong giây lát, sau thấy cái việc phải đến thì đã qua rồi, cũng không cần nhờ những câu "không nói dứt khoát được" của tôi và "cùng quá thì chết" của người kia làm yên ủi mà cõi lòng đã dần dần nhẹ nhõm; chỉ trong lúc tỉnh cờ còn thấy như bị cắn rứt ít nhiều. Cơm tối dọn ra, chú Tư nghiêm nghị ngồi tiếp. Tôi cũng còn muốn gợi nghe tin tức về mụ Tường Lâm, song biết rằng ông ta tuy đã đọc qua câu "quỷ thần là lương năng của hai khí"[2] nhưng vẫn còn kiêng kị rất nhiều; trong khi gần làm lễ chúc phước rất không nên đem những chuyện đau ốm chết chóc ra mà nói; nếu cực chẳng đã, phải dùng một thứ tiếng lóng, tiếc tôi lại không biết, vì vậy nhiều lần toan hỏi lại thôi. Tôi dò ở sắc mặt

ngghiêm nghị của ông, lại đâm ngờ rằng ông cho tôi chẳng sớm chẳng muộn, nhè chính vào lúc này đến khuấy rầy ông, cũng là đồ tầm bậy, bèn lập tức xin kiếu ông ngày mai tôi sẽ rời Lỗ Trăn, đi vào thành, để lòng ông sớm được khoan khoái. Ông cũng không cầm hần, cứ tẻ ngắt như thế ăn xong một bữa cơm.

Mùa đông ngày ngắn, lại là trời tuyết, cái màn đêm vội đã che phủ cả thị trấn. Mọi người đều bận rộn ở dưới đèn, nhưng ngoài cửa sổ rất lạnh lẽ. Những hoa tuyết, sa trên đệm tuyết khá dày, nghe như có tiếng tách tách, khiến người cảm thấy sự lạnh lẽo càng hơn. Tôi một mình ngồi dưới ngọn đèn dầu lạc trổ ánh sáng vàng, nghĩ rằng cái mục Tường Lâm cầu bơ cầu bắt kia, là kẻ bị mọi người hất hủi trong đồng bụi rác, là một thứ đồ chơi cũ kỹ xem đã chán, trước còn lộ hình trong bụi rác, thì dưới mắt những người sống sung sướng chắc lấy làm quái sao mục cứ còn mãi, mà bây giờ thì cũng kể được là đã bị thần chết quét dọn sạch sẽ đi rồi đấy. Linh hồn có hay không, tôi không biết; nhưng mà bây giờ đây thì kẻ không thể sống không sống nữa, để cho kẻ không muốn thấy không thấy nữa, thật cũng là được việc cho cả người lẫn mình. Tôi lắng nghe tiếng hoa tuyết hình như kêu tách tách ngoài cửa sổ, vừa nghe vừa nghĩ ngợi, dần dần trở thấy trong người thư thái hẳn.

Song le, những mảnh vụn sự tích về nửa đời người của mục mà tôi đã thấy và nghe được trước kia, đến đây cũng liền lại, thành ra nguyên một tấm.

Mục Tường Lâm không phải người Lỗ Trăn. Có một năm, đầu mùa đông, trong nhà chú Tư muốn thay đứa ở gái, người mới là bà Vệ già đưa mục đến: đầu vấn cái dây trắng, quần đen, áo cộc kép màu chàm, ngoài phủ áo lá mùa xanh non, tuổi chừng hăm sáu hăm bảy, sắc mặt vàng xanh nhưng hai gò má còn đỏ. Bà Vệ già gọi mục là mục Tường Lâm, nói là hàng xóm của nhà mẹ mình, chết mất người đàn ông, cho nên ra đi ở mướn. Chú Tư cau mày. Thím Tư biết ngay ý chồng ghét mục là một mục góa. Song le thấy mục dáng dấp cũng hần hoi, tay chân đều vạm vỡ, lại chỉ nhìn xuống, chẳng nói một câu, rõ ra là một người yên phận và chịu khó, bèn bắt chấp cái cau mày của chú Tư, để mục ở lại. Trong kỳ ở thử, mục làm việc cả ngày, hình như hờ tay ra thì buồn, lại có sức, chẳng khác một anh trai tráng, vì vậy ngày thứ ba liền dứt giá, mỗi tháng năm quan tiền công.

Người ta đều gọi mụ là mụ Tường Lâm; chẳng hề hỏi mụ họ gì, cứ người mỗi là người Vệ gia sơn đã nói là hàng xóm, thế cũng cho là mụ họ Vệ đi. Mụ không thích nói chuyện lắm, có ai hỏi mới trả lời, trả lời cũng vắn tắt. Đến sau mười mấy ngày mới biết thêm rằng trong nhà mụ còn có bà mẹ chồng gay gắt, một thằng em chồng còn nhỏ mười mấy tuổi, đã đi hái củi được; mụ chết chồng vào khoảng mùa xuân, chồng mụ vốn cũng sống bằng nghề hái củi, kém mụ mười tuổi: người ta biết về mụ chỉ có thể thôi.

Ngày qua rất chóng, công việc mụ chẳng bê trễ chút nào, ăn thế nào cũng xong, làm chẳng hề dưỡng sức. Mọi người đều nói nhà ông cụ Tư thuê được đứa ở gái thật siêng năng còn hơn người trai tráng siêng năng. Đến cuối năm, quét dọn, rửa nhà, giết gà, làm thịt ngỗng, nấu "phước lễ" thâu đêm, một người gánh làm lấy cả, không phải thuê thêm người làm ngày. Vậy mà mụ lại hả hê, khoe miệng dần dần có vẻ cười, mặt cũng béo trắng ra.

Vừa qua năm mới, khi mụ đi vo gạo ở bờ sông về, bỗng tái mặt đi, nói vừa mới trông thấy xa xa một người đàn ông đứng vợ vẫn bờ bên kia, giống người bác họ nhà chồng mụ lắm, e rằng người ấy đi đến đây cốt vì tìm mụ. Thím Tư rất nghi ngại, căn vặn đến điều, mụ lại không nói chi. Chú Tư biết được, liền cau mày một cái, nói:

"Thế là không xong đấy, e nó trốn nhà mà đi đấy."

Quả mụ trốn nhà thật, chẳng bao lâu câu nói đề chừng ấy liền được chứng thực.

Sau đó chừng mười mấy ngày, người ta đang dần dần quên lửng câu chuyện trước, bà Vệ già bỗng đưa một người đàn bà ngoài năm mươi tuổi đến, nói là mẹ chồng của mụ Tường Lâm. Người đàn bà tuy có dáng bộ người miền núi, nhưng thù ửng rất thông dong, nói năng cũng hoạt bát, vài lời hàn huyên rồi xin lỗi, nói đến để bảo con dâu mình về nhà, vì đầu năm bận việc, mà trong nhà chỉ có một già một trẻ, không đủ tay làm.

"Đã là bà gia nó gọi nó về, còn nói gì được nữa?" chú Tư nói.

Thế rồi tính tiền công, cộng là mười bảy quan năm, mụ vốn gửi cả ở nhà chủ, không tiêu một đồng, đều đem giao giả cho mẹ chồng mụ. Người đàn bà lại lấy áo xống, cảm ơn rồi đi ra. Lúc đó đã đứng trưa.

"Ồi già, nào gạo đâu? Có phải mụ Tường Lâm đi vo gạo rồi chẳng?" Được một lúc, thím Tư mới vùng la lên như thế. Chừng như bà ta có hơi đói bụng, nhớ đến cơm trưa.

Người nhà bên mới chia nhau đi tìm cái rổ rá. Thím Tư bước vào nhà bếp, sau lên nhà lớn, sau nữa đến trong buồng, đều không thấy bóng cái rổ rá đâu. Chú Tư dạo ra ngoài cửa ngõ, cũng không thấy, thẳng đến bờ sông, mới thấy để chững chạc trên bờ, cạnh cái rổ rá còn có một cây cải.

Người xem thấy, học lại rằng: Hồi chưa trưa ở bến sông có đậu một chiếc thuyền mui trắng, mui che kín cả, không biết những người nào ở trong, mà khi việc chưa xảy ra cũng chẳng ai để ý đến. Đến chừng mụ Tường Lâm ra đó vo gạo, mới vừa quỳ xuống, trong thuyền vụt nhảy ra hai người đàn ông, giống người miền núi, một người ôm xoác mụ, một người giúp tay kéo vào trong thuyền. Bấy giờ mụ Tường Lâm còn khóc la được mấy tiếng, về sau rồi không có tiếng tăm gì nữa, chừng như bị nhét gì vào mồm rồi. Rồi đó liền bước lên hai người đàn bà, một không biết mặt, còn một là bà Vệ già. Dòm xem trong khoang, thấy không rõ ràng lắm, hình như mụ bị trói để nằm trên ván thuyền thì phải.

"Khả ố! Nhưng mà..." Chú Tư nói.

Cả ngày hôm ấy chính mình thím Tư nấu cơm lấy. A Ngưu, con trai của ông bà thì chụm lửa.

Sau bữa cơm trưa, bà Vệ già lại đến.

"Khả ố!" Chú Tư nói.

"Thế là chị có ý gì? khá là chị còn lại đến đây thấy mặt chúng tôi." Thím Tư đang rửa bát, vừa thấy người đàn bà là hăn học nói, "Chính mình chị đưa nó đến, lại họp

bè hợp lũ cướp nó đi, gây nên việc sôi nổi ầm ĩ, người ta xem vào còn thành ra cái bề thế gì? Chị đem nhà chúng tôi ra làm trò đùa ư?"

"Ồi già, ối già, thật tôi bị lừa. Chính vì điều ấy mà lần này tôi lại đến để nói cho rành mạch. Mụ ấy đến nhờ tôi kiếm chỗ làm, tôi làm thế nào liệu trước được rằng mụ đã lừa dối mẹ chồng mụ ư? Thưa cụ ông, cụ bà, tôi chịu không phải. Chỉ vì tôi già cả lú lẫn, không cẩn thận, xin chịu không phải với hai cụ. May mà gặp nhà cụ đây thuở nay vẫn rộng lượng bao dung, không thêm so hơn tính thiệt với kẻ dưới. Tôi nhất định rồi đây sẽ đưa đến một đứa đứng đắn để chuộc tội..."

"Nhưng mà..." Chú Tư nói.

Thế rồi cái việc mụ Tường Lâm tới đó là dứt, chẳng bao lâu người ta cũng quên dứt đi.

Duy có thím Tư nhân sau đó thuê đứa ở gái, đại khái đứa không lười thì háu ăn, hoặc có đứa đã háu ăn còn lười nữa, dăm chiêu chẳng vừa ý, cho nên cũng hay nhắc đến mụ Tường Lâm. Mỗi khi như thế, bà ta thường nói một mình rằng: "Chẳng biết bây giờ mụ ấy ra thế nào?" ý chừng là mong mụ lại đến. Song le qua cái tết năm thứ hai, bà cũng không còn mong nữa.

Hôm tết gần hết, bà Vệ già đến mừng tuổi, đã uống say ngà ngà, nói rằng nhân có về qua nhà mẹ ở Vệ gia sơn, ở lại mấy ngày cho nên về trễ. Giữa khi trò chuyện tự nhiên họ nói đến mụ Tường Lâm.

"Mụ ấy à?" Bà Vệ già cao hứng nói: "Hiện giờ thì mụ đã bước sang vận đỏ rồi. Cái lúc mẹ chồng mụ bắt mụ về, vốn đã hứa gả cho lão Hạ Sáu ở Hạ gia úc, cho nên sau khi về nhà, chẳng mấy hôm là đã bỏ vào kiệu hoa khiêng đi."

"Ồi già, lại có thứ mẹ chồng thế kia!..." Thím Tư bài hời nói.

"Ồi già, cụ bà của tôi ơi! Thật là một bà cụ nhà đại gia nói có khác. Chúng tôi người miền núi, nhà dân dã, như thế có kể vào đâu? Mụ có một đứa em chồng nhỏ, cũng phải cưới vợ cho nó. Chẳng gả mụ đi, thì lấy tiền đâu cưới vợ cho thằng kia? Mẹ

chồng mụ thể mà là người sáng suốt, giỏi giang đáo để, tính toán hay lắm, cho nên mới đem mụ gả về miền núi bên trong nữa. Nếu gả cho người cùng làn, của lễ chẳng được nhiều; chỉ vì ít người nữ nào chịu gả về chốn rừng sâu hóc thẳm, cho nên mẹ chồng mụ mới nhận vào tay được một trăm quan chẵn. Nay thì đưa con dâu, vợ thẳng thứ hai, cũng cưới được rồi, chỉ tốn có năm chục quan của lễ, trừ tiền tiêu phí làm đám, còn thừa được mấy chục quan. Hừ, cụ xem, tính toán như thế còn hay đến nước nào?..."

"Thế mà mụ Tường Lâm đành chịu cho?..."

"Cái đó có gì mà chịu với chẳng chịu? - Làm Ồn thì ai cũng cứ làm Ồn lên một trận, rồi thì lấy dây trói lại, nhét vào kiệu hoa, khiêng đến nhà trai, trông cái mũ đầu lên, lạy họ, đóng cửa buồng lại, thế là yên việc. Thế nhưng mụ Tường Lâm thật có khác. Thấy nói lúc đó thật tình mụ làm rầy rà dữ lắm, người ta đều nói chừng là mụ ở làm việc nhà người có học cho nên không giống với người thường. Thưa cụ bà, chúng tôi thấy được nhiều rồi. Những kẻ bước đi bước nữa, khóc la có, nói đi trăm mình thất cổ có, khiêng đến nhà trai dẫn mình vật mảy lạy không nên thân có, cho đến dục tắt đèn động phòng đi cũng có. Nhưng mụ Tường Lâm thì thật khác hẳn người thường: họ nói mụ suốt khi đi đường chỉ việc la, chửi, khiêng đến Hạ gia úc, cuống hòng đã tắt hẳn tiếng. Kéo ra khỏi kiệu, hai người đàn ông và thẳng em chồng mụ cố sức kìm giữ, mụ cũng còn lạy không nên thân. Bọn họ sơ ý, nới tay ra một cái, ối già, ai di đà Phạt! Mụ liền động đầu vào cái cạnh hương án, trên đầu thùng thành một cái hục, máu chảy đầm đề, tra cho hai năm tàn nhang, buộc cho hai miếng vải điều mà máu còn chưa cầm nổi. Cho đến lúc xúm nhau mỗi người một tay đem mụ cùng người đàn ông nhốt trong buồng cưới, khóa trái lại, mà mụ cũng còn cứ chửi, ối già già, rõ thật là..." Bà Vệ già lắc đầu một cái, nhìn xuống không nói nốt.

"Sau rồi làm sao?" Thím Tư còn hỏi.

"Thấy nói ngày thứ hai cũng không chỗi dậy." Bà kia ngược mắt lên trả lời.

"Sau rồi sao nữa?"

"Sau rồi?... chỗi dậy. Cuối năm mụ sinh được một đứa bé trai, sang năm mới này nó hai tuổi. Tôi ở nhà đẻ tôi mấy hôm nay, có người ở Hạ gia úc về, nói hai mẹ con mụ mẹ tròn con vuông; bên trên lại không có mẹ chồng; người đàn ông mụ được cái sức mạnh, biết làm ăn; nhà thì ở nhà của mình. - ồ! Mụ thật đã bước sang vận đỏ rồi."

Đó về sau, thím Tư không nhắc đến mụ Tường Lâm nữa.

Song le có một mùa thu năm nọ, ước chừng sau khi được tin mụ Tường Lâm bước sang vận đỏ lại qua hai cái tết, mụ lại đã đứng ở trước nhà chú Tư rồi. Trên ghế đặt một cái giỏ tròn hình củ mã thầy, dưới thềm một bó hành lý nhỏ. Mụ vẫn đầu vẫn cái dây trắng, quần đen, áo cộc kép màu chàm ngoài phủ áo lá màu xanh non, sắc mặt vàng xanh, chỉ trên hai gò má đã mất máu, nhìn xuống, trên khóe mắt có ngấn lệ, cặp mắt cũng không có tinh thần bằng trước kia. Và lại cũng vẫn do bà Vệ già đưa đến, làm ra vẻ từ bi, lải nhải nói cùng thím Tư rằng:

"... Thế này thật đúng như người ta nói: Thiên hữu bất trắc phong vân! Người đàn ông mụ chắc nịch đi chứ phải, ai dè tuổi xanh hơ hớ, đau có một trận thương hàn liền chết.

Thực thì đã đỡ rồi đấy, chỉ ăn vào có một bát cơm nguội, lại hát lại. May mà có con trai; mụ lại hay lam hay làm, đốn củi, hái chè, nuôi tằm đều được cả; vốn tình có thể ở vậy lắm, ai dè thằng bé lại bị chó sói tha đi ư? Mùa xuân sắp qua rồi, chó sói còn xuống tới làng, ai ngờ đến? Hiện giờ mụ chỉ còn một mình trơ trọi. Người anh chồng đến choán lấy nhà, lại đuổi mụ đi. Mụ thật hết chỗ dung thân rồi, chỉ xin đến nhờ hai cụ. Được một cái là mụ hiện giờ không còn vướng víu gì nữa; nhà cụ đây lại vừa ưa muốn thay người làm, cho nên tôi mới đưa mụ đến. - Tôi tưởng quen nhà quen cửa, tốt hơn thuê người lạ nhiều..."

"Tôi thật khờ, khờ quá." Mụ Tường Lâm ngược cặp mắt thất thần lên nói tiếp theo, "Tôi chỉ biết lúc sa tuyết, những thú rừng ở trong hóc núi không có gì ăn, nó mới xuống đến làng. Tôi có ngờ đâu qua mùa xuân rồi nó cũng vẫn xuống. Một buổi mai sớm, tôi dậy mở cửa, xách chiếc giỏ nhỏ đựng đầy một giỏ đậu, gọi thằng A Mao nhà tôi đem ngồi ở ngạch cửa bóc vỏ. Nó biết vâng lời lắm, tôi bảo gì nó cũng vâng.

Nó đi ra. Tôi bèn ở sau nhà bồ củi, vo gạo, trút gạo vào nồi toan ghế đậu. Tôi gọi A Mao, không thấy thừa, đi ra xem, chỉ thấy đậu vung vãi trên đất, không có A Mao nhà tôi. Nó có hề đi chơi nhà khác đâu; đi hỏi mấy nơi, quả thật không có. Tôi sửng sốt, mượn người đi tìm. Cho đến xế chiều, tìm quanh quẩn đến trong hóc núi, thấy trên cành gai mắc một chiếc giầy nhỏ của nó. Người ta đều nói, thôi hỏng rồi, e bị chó sói rồi. Đi tới nữa, quả nhiên nó nằm trong đám cỏ, ruột gan trong bụng đã bị moi ăn tất cả, ở tay còn khư khư nắm lấy chiếc giỏ con..." Kể đó mụ nghen ngào, nói không thành câu nữa.

Thím Tư ban đầu còn ngần ngừ, đến khi nghe mụ nói xong, quàng con mắt có hơi đỏ. Bà ta suy nghĩ một lát rồi bảo mụ xách cái giỏ và đồ hành lý xuống nhà dưới. Bà Vệ già hình như thoát gánh nặng thở ra một cái; còn mụ Tường Lâm đáng người hơi thư thái hơn hồi mới vào, chẳng đợi ai chỉ dẫn, tự mình nhanh nhẩu cất đồ hành lý. Từ đó mụ ở lại Lỗ Trấn làm công.

Người ta vẫn gọi mụ là mụ Tường Lâm.

Nhưng mà lần này, cảnh ngộ của mụ sẽ thay đổi nhiều lắm. Sau khi nhận việc vài ba hôm, những người nhà chủ đã thấy ra mụ không còn nhanh tay nhanh chân như trước, trí nhớ cũng hỏng đi nhiều, trên cái mặt như mặt ma lại cả ngày chẳng hề có dáng cười; theo giọng nói của thím Tư, đã có hơi bất mãn. Lúc mụ mới đến, chú Tư tuy cứ theo lệ cau mày, nhưng vì thấy lâu nay thuê được đứa ở gái khó lắm, nen cũng không phản đối hẳn, chỉ dặn riêng thím Tư rằng thứ người ấy ngó như là đáng thương, có điều làm bại hoại phong tục, dùng nó đỡ bận thì được, chứ khi cúng tế không nên để nó mó tay vào, mọi sự nấu nướng chính mình phải làm lấy; chẳng thế, dơ dáy bẩn thỉu, ông bà ông vải chẳng ăn đâu.

Việc lớn trong nhà chú Tư là việc cúng tế; mụ Tường Lâm trước kia, khi bận rộn lắm cũng vì việc cúng tế, lần này thì mụ lại rảnh tay. Cái bàn đặt giữa nhà, treo cái màn lên, mụ còn nhớ làm như hồi xưa đi sắp chén rượu và đĩa.

"Mụ Tường Lâm, mụ buông ra thôi! Để tôi soạn cho." Thím Tư vội vàng nói.

Mụ thụt tay không kịp, lại đi lấy cái đài cắm nến.

"Mụ Tường Lâm, mụ buông ra thôi! Để tôi lấy cho." Thím Tư lại vội vàng nói.

Mụ xây quanh mấy vòng, rốt lại không có việc gì làm, chỉ ngơ ngẩn đi khỏi đó. Trong một ngày ấy cái việc mụ có thể làm được chỉ là ngồi dưới bếp chụm lửa.

Mọi người ở Lỗ Trăn cũng vẫn gọi mụ là mụ Tường Lâm, nhưng cái giọng gọi không giống với trước kia. Họ cũng có nói chuyện cùng mụ, nhưng cái dáng cười đã trở nên lạnh lùng rồi. Mụ toan không để ý đến những sự ấy, cứ nhìn thẳng tới, dăm dăm kể lể với người ta cái chuyện mà chính mụ ngày đêm chẳng quên.

"Tôi thật khờ, khờ quá." Mụ nói, "Tôi chỉ biết lúc sa tuyết những thú rừng ở trong hóc núi không có gì ăn, nó mới xuống đến làng, tôi có ngờ đâu qua mùa xuân rồi nó cũng vẫn xuống. Một buổi sớm mai, tôi dậy mở cửa, xách chiếc giỏ nhỏ đựng đầy một giỏ đậu, tôi gọi thằng A Mao nhà tôi đem ngồi ở ngạch cửa bóc vỏ. Tôi bèn ở sau nhà bổ củi, vo gạo, trút gạo vào nồi, toan ghế đậu. Tôi gọi: "A Mao", không thấy thưa. Đi ra xem, chỉ thấy đậu vung vãi trên đất, không có A Mao nhà tôi. Đi tìm hỏi mấy nơi, đều không có. Tôi sửng sốt, mượn người đi tìm. Cho đến xế chiều, mấy người đi tìm đến trong hóc núi, thấy trên cành gai mắc một chiếc giày nhỏ của nó. Người ta đều nói, thôi hỏng rồi, e bị chó sói rồi. Đi tới nữa, quả nhiên nó nằm trong đám cỏ, ruột gan trong bụng đã bị moi ăn tất cả, thương hại trong tay nó còn khư khư nắm lấy chiếc giỏ con..." Thế rồi mụ chảy nước mắt ra, tiếng cũng nghẹn ngào đi.

Câu chuyện thế mà cũng có hiệu quả. Bọn đàn ông nghe đến đó, thường thường là thôi cười, tiu nghỉu bỏ đi; bọn đàn bà lại chẳng những như là tha thứ cho mụ, trên mặt còn đổi ngay cái bộ khinh bỉ, còn chảy giùm mấy dòng nước mắt. Có mấy bà già không có ở đầu đường nghe chuyện mụ, bèn cố đi tìm cho được, để mụ kể mẫu chuyện bi thảm ấy cho nghe. Khi mụ kể đến nghẹn ngào, họ thấy đều chảy những giọt nước mắt đọng ở khóe, than thở một hồi, hả hê đi trót, vừa đi lại còn vừa bàn tán nhao nhao.

Mụ dầu chỉ kể đi kể lại có ngần ấy, nó là mẫu chuyện bi thảm, cũng thường thường kéo được năm ba người đến nghe mụ. Song le chẳng bao lâu, người ta nghe đã thuộc lòng, dầu cho đến các bà cụ rất từ bi hay niệm phật, khóe mắt cũng ráo hơ.

Sau lại, mọi người ở vùng Lỗ Trăn đều có thể đọc trầm câu chuyện mụ, nghe qua một cái là họ chán ngán đến nhức đầu.

"Tôi thật khờ, khờ quá." Mụ bắt đầu nói.

"Phải, chị chỉ biết lúc sa tuyết, những thú rừng ở trong hóc núi không có gì ăn, nó mới xuống đến làng." Bọn họ lập tức cắt đứt câu chuyện của mụ, bỏ đi trót.

Mụ đứng sững há hốc miệng ra, đăm đăm nhìn bọn họ, rồi cũng bước đi, hình như chính mụ cũng thấy là vô vị. Song le, mụ còn hay nghĩ băng quơ, mong từ những việc đâu đâu, như cái giỏ nhỏ, đậu, đứa bé của người khác, gợi ra câu chuyện thằng A Mao của mụ. Nếu thấy được đứa bé hai ba tuổi một cái, mụ sẽ nói:

"Ờ, thằng A Mao nhà tôi nếu còn sống, cũng đã lớn bằng này rồi."

Đứa bé thấy bộ tướng cặp mắt của mụ liền sợ hãi, níu vạt áo mẹ nó, giục đi đi. Khi ấy còn lưa lại chỉ một mình mụ, mụ cũng tiu nghỉu bỏ đi nốt. Về sau người ta lại đều biết cái dở hơi của mụ, mỗi khi có đứa bé nào ở trước mặt, họ nửa bỡn nửa thực hỏi trước mụ rằng:

"Chị Tường Lâm nè, thằng A Mao nhà chị nếu còn sống, cũng đã lớn bằng này rồi chứ gì?"

Mụ chưa chắc biết rằng câu chuyện bi ai của mụ đã được người ta nhấm nháp ngẫu nhiên bấy lâu nay, nó đã thành ra cặn bã, chẳng bổ chán nhàm và phỉ nhổ; nhưng theo dáng cười của mọi người, mụ cũng hơi thấy được là lạnh lùng chua chát, thôi thì mình chẳng cần còn nói nữa làm chi. Mụ chỉ liếc nhìn bọn họ một cái, không trả lời nửa câu.

Lỗ Trăn cứ luôn luôn bước sang năm mới, hai mươi tháng chạp về sau là bận rồi lên. Trong nhà chú Tư lần này phải thuê trai làm ngày, còn chưa hết bận, gọi thêm u Liễu làm giúp: giết gà, làm thịt ngỗng. Song le, u Liễu lại là tu tại gia, ăn chay trường, không chịu sát sinh, chỉ việc rửa bát đĩa. Mụ Tường Lâm ngoài việc chụm lửa chẳng có việc gì làm, rồi lằm, chỉ ngồi xem u Liễu rửa bát đĩa. Tuyết lớt phớt sa.

"Chao ôi, tôi thật khờ!..." Mụ Tường Lâm nhìn trời than thở, như nói một mình.

"Chị Tường Lâm, chị lại bắt đầu rồi." U Liễu trắng trợn nhìn mặt mụ, nói. "Tôi hỏi chị: Cái sẹo trên khóe trán chị có phải bởi hồi đó động đầu mà thành ra không?"

"Ờ..." mụ trả lời ấp úng.

"Tôi hỏi chị: Hồi đó vì lẽ gì về sau chị cũng thuận đi?"

"Tôi ấy à?..."

"Chị nè, tôi tưởng: việc ấy cũng bởi chính mình chị đã bằng lòng rồi, chứ không thì..."

"Ồ! Chị không biết sức họ khỏe là dường nào..."

"Tôi không tin, không tin chị sức khỏe như thế mà lại chống cự không nổi. Chắc chị về sau chính mình khứng chịu rồi, lại đổ tại sức họ khỏe."

"Ồ, chị... Rồi chính mình chị thử xem." Mụ cười.

U Liễu cũng bật cười lên, làm lớp da nhăn trên mặt túm tít lại như trái hồ đào. Cặp mắt nhỏ và ráo hơ của u liễu nhìn khóe trán mụ Tường Lâm một cái, rồi giắt mắt vào đó. Mụ Tường Lâm hình như rất kén, tức thì không cười nữa, xoay chiều mắt, đứng nhìn tuyết sa.

"Chị Tường Lâm, thực ra thì chị tính không gọn." U Liễu lại bắt đầu nói thả vói. "Cứ làm già nữa, hay là văng mạnh động đầu đến chết đi một cái, chẳng đã xong rồi. Bây giờ đây, chị cùng người chồng của chị ở với nhau chưa đầy hai năm, trở mắc phải một cái tội lớn. Chị nghĩ xem, về sau chị xuống đến âm phủ, hai con ma đàn ông ấy còn phải giành nhau, chị sẽ về tay ai cho ổn ư? Vua Diêm La chỉ có đem chị cửa hai ra, cho mỗi đảng một nửa. Tôi nghĩ thật là..."

Trên mặt mụ liền hiện ra vẻ sợ hãi, điều ấy ở trong làng rừng thật chưa hề biết đến.

"Tôi nghĩ, chi bằng chị kíp tính cách đèn bù đi. Chị hãy đến trong miếu thổ địa quyên cúng một cái gạch cửa sau, coi là cái thân chị đấy, để cho ngàn người xéo lên, muôn người bước qua, chuộc cái tội của một đời người, ngõ khỏi phải chịu khổ hình sau khi chết."

Mụ bấy giờ cũng chẳng trả lời ra làm sao, song chừng là buồn rầu quá đỗi. Sáng hôm sau chỗi dậy, trên đôi con mắt vầy hai cái quầng đen to tướng. Ăn cơm sáng xong, mụ bèn đi đến cái miếu thổ địa ở xóm tây Lỗ Trăn quyên cúng một cái gạch cửa. Lão từ ban đầu còn làm dày chẳng khứng cho; mụ van thiết đến chảy nước mắt, mới gắng gượng nhận lời. Giá cái gạch là mười hai đồng bạc.

Mụ từ lâu không nói chuyện với ai được, vì câu chuyện thằng A Mao đã bị người ta chán phè rồi; nhưng từ khi trò chuyện với u Liễu, hình như lại đồn đại ra, bao nhiêu người nẩy ra một cái thú vị mới, lại tìm đến mụ gạ chuyện. Đến như đầu đề, tự nhiên là đổi một mẫu mới, bấm vào cái sẹo ở trên trán mụ kia.

"Chị Tường Lâm! Tôi hỏi chị, lúc đó vì lẽ gì sau lại chị cũng chịu quách?" Một người nói thế.

"Ờ, đáng tiếc thật, động đầu một cái toi." Người khác nhìn cái sẹo mụ, phụ họa theo.

Mụ cứ ở dãn cười giọng nói của bọn họ, chừng cũng biết là đang chế nhạo mình, nên chi chỉ cứ trừng mắt, chẳng nói một lời, sau đến không quay đầu lại nữa. Mụ cả ngày ngậm chặt mồm, trên đầu đeo mãi cái sẹo mà người ta cho là cái dấu hiệu nhơ nhuốc, cứ lảng lảng đi đường phố, quét nhà, rửa rau, vo gạo. Vừa đầy một năm, mụ mới nhận lấy ở tay thím Tư món tiền công bấy lâu còn gửi lại, đổi lấy mười hai đồng bạc, xin phép đi đến xóm tây Lỗ Trăn. Chưa đến ăn xong bữa cơm, mụ đã trở về, sắc mặt rất tươi tỉnh, mắt cũng sáng lên, nói với thím Tư như tuồng đắc ý lắm, rằng mình đã quyên cúng cái gạch cửa ở miếu thổ địa rồi.

Sang đông chí, ngày tế tổ, mụ ra sức làm việc. Thấy thím Tư soạn sửa cúng xong, cùng A Ngưu khiêng cái bàn đến giữa nhà, mụ liền quày quả đi lấy chén rượu và đĩa.

"Mụ buông ra thôi, mụ Tường Lâm!" Thím Tư lại giật giọng nói.

Mụ thụt tay lại như là bị bỏng, tức thì sắc mặt đổi ra đen xám, cũng chẳng đi lấy đũa cầm nển nữa, chỉ đứng sững thất thần. Cho đến lúc chú Tư thượng hương, bảo mụ đi, mụ mới đi. Lần này mụ thay đổi hơn lần nào cả: ngày hôm sau, chẳng những mắt sâu vào, đến cả tinh thần cũng càng kém. Lại thêm nhát gan quá, chẳng những sợ đêm tối, sợ bóng đen, đến thấy người ta, dầu người chủ mình, cũng nơm nớp chẳng khác con chuột nhắt đi ra khỏi hang giữa ban ngày. Chẳng thế thì ngồi đực ra như con người gỗ. Không tới nửa năm, tóc cũng bắt đầu bạc hoa râm, trí nhớ đến hỏng, rất dễ thương thường quên lửng đi vo gạo.

"Mụ Tường Lâm ra làm sao ấy, biết vậy hồi đó không để mụ ở lại mà hơn." Thím Tư có lúc đã nói như thế trước mặt mụ hình như muốn cảnh cáo.

Nhưng mà mụ vẫn cứ thế, không còn mong gì lợi lộc hơn lên. Bấy giờ họ mới tính cho mụ ra, bảo mụ về với bà Vệ già. Song le, đang lúc tôi còn ở Lỗ Trấn, họ chỉ nói thế thôi; mà xem như tình trạng hiện giờ, biết rằng sau lại đã thực hành điều ấy. Tuy vậy, mụ trở nên ân mỳ ngay khi ra khỏi nhà chú Tư, hay là trước đến nhà bà Vệ già rồi sau mới đi ăn mỳ thì tôi không biết.

Tôi bị những tiếng pháo đốt gần nổ rất to đánh thức, thấy ngọn đèn sáng vàng bằng hột đậu, kể đó lại nghe pháo tràng rẹt rẹt, ấy là nhà chú Tư đang làm lễ "chúc phước", biết rằng đã sang canh năm rồi. Trong mơ màng, tôi lại mừng tượng nghe những tiếng pháo xa xa liên miên chẳng dứt, như họp lại thành đám mây đặc có tiếng vang giập trời, cùng với hoa tuyết quây quần bay múa, ôm ấp cả một thị trấn. Tôi ở trong sự ôm ấp xôn xao ấy cũng thấy phờ người ra mà khoan khoái, bao nhiêu sự lo ngại từ ban ngày đến hồi đầu hôm đều nhờ cái không khí chúc phước quét sạch cả, chỉ cảm thấy trời đất quý thần đã hâm hưởng những rượu thịt và hương khói, đều say gật gù đi khệnh khạng giữa khoảng không, sẵn sàng ban phát cho mọi người ở Lỗ Trấn những hạnh phúc vô ngần.

(Tháng 7 năm 1942)

Chú

thích:

1. ▲ Lỗ Tấn cứ hay công kích bọn phản động, cho nên thường thường bị họ đặt điều nói xấu, phao đồn những tin không lành cho. Đau bệnh thần kinh là điều họ bịa đặt, cũng như có những lần phao tin trên báo, nói Lỗ Tấn bị cảnh sát đánh gãy hai răng cửa, bị bắt giam, bị giết hay là đã chết rồi.
2. ▲ Câu này, lời của một vị Tổng nho, thấy trong sách Tính lý, nguyên văn là: "Quỷ thần thị nhị khí chi lương năng." Nhị khí là âm và dương; lương năng cũng như nói bản năng. Nếu thật có quỷ thần, và quỷ thần, theo Tổng nho nói, chỉ là bản năng của âm dương, thì nó là một sức hoạt động tự nhiên, chẳng có gì làm cho người ta mê tín. Ý tác giả muốn nói ông cụ Tư tuy đã đọc qua câu ấy rồi mà vẫn cứ mê tín, kiêu kỳ.

Nguồn: NXB Văn Nghệ Hà Nội, NXB Hội Nhà Văn